Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2023

Thời gian: 20-03-2023

Đại học Bách khoa Hà Nội dự kiến tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là: 7.985 sinh viên. Gồm 3 phương thức tuyển sinh: (1) Phương thức xét tuyển tài năng (xét tuyển thẳng); (2) Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy; (3) Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023.

Đại học Bách khoa Hà Nội dự kiến tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là: 7.985 sinh viên. Gồm 3 phương thức tuyển sinh: (1) Phương thức xét tuyển tài năng (xét tuyển thẳng); (2) Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy; (3) Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023.

**1. Thông tin chung**

* Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến: 7.985 sinh viên
* Gồm 3 phương thức tuyển sinh:
  1. Phương thức xét tuyển tài năng (XTTN)
  2. Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy (ĐGTD)
  3. Phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 (THPT)

**Xem thêm:**[**Flyer Thông tin tuyển sinh ĐHBKHN 2023 (.PDF)**](https://drive.google.com/file/d/1B53pWmEyRGDogcCFj-rjfzJpj4j8izJf/view?usp=sharing)

**2. Các phương thức tuyển sinh**  
**(1) Xét tuyển tài năng:** gồm các phương thức sau:

(1.1) Xét tuyển thẳng học sinh giỏi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
(1.2) Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level, AP và IB;  
(1.3) Xét tuyển dựa theo hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn.

***1.1. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT***  
Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023, đạt thành tích cao trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG), cuộc thi Khoa học kỹ thuật (KHKT) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cụ thể như sau:

i) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG Quốc gia được xét tuyển thẳng vào các ngành học phù hợp với môn đạt giải.  
ii) Thí sinh trong đội tuyển Quốc gia tham dự cuộc thi KHKT Quốc tế hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức được xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với lĩnh vực đề tài dự thi.

***1.2. Xét tuyển theo chứng chỉ Quốc tế***  
Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình chung (TBC) học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên; có ít nhất 1 trong các chứng chỉ Quốc tế sau: SAT, ACT, A-Level, AP và IB.  
  
***1.3. Xét tuyển theo Hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn***  
Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023, có điểm TBC học tập các môn văn hóa (trừ 2 môn Thể dục và GDQPAN) từng năm học lớp 10, 11 và lớp 12 đạt 8.0 trở lên và đáp ứng ít nhất một (01) trong những điều kiện sau:

i) Được chọn tham dự kỳ thi HSG Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư hoặc Khuyến khích trong kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố do Sở GD&ĐT tổ chức (hoặc tương đương do các Đại học quốc gia, Đại học vùng tổ chức) các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Ngoại ngữ, Tổ hợp trong thời gian học THPT;  
ii) Được chọn tham dự cuộc thi KHKT Quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức;  
iii) Được chọn tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức từ vòng thi tháng trở lên;  
iv) Có chứng chỉ IELTS (academic) Quốc tế 6.0 trở lên (hoặc chứng chỉ tiếng Anh khác tương đương – xem Bảng 2 quy đổi chứng chỉ tiếng Anh) được đăng ký xét tuyển vào các ngành Ngôn ngữ Anh và Kinh tế - Quản lý;  
v) Học sinh hệ chuyên (gồm chuyên Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học, Ngoại ngữ) của các trường THPT và THPT chuyên trên toàn quốc, các lớp chuyên, hệ chuyên thuộc các Trường đại học, Đại học quốc gia, Đại học vùng.

**(2) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá tư duy**

* Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức;
* Điều kiện dự tuyển:  Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt ngưỡng điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển do ĐHBK Hà Nội quy định;
* Tổ hợp xét tuyển dự kiến: K00 (tư duy toán học, tư duy đọc hiểu, tư duy khoa học/giải quyết vấn đề);
* Xét tuyển vào tất cả các ngành/chương trình trừ các chương trình Ngôn ngữ Anh;

**(3) Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT 2023**

* Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 do Bộ GD&ĐT và các Sở GD&ĐT tổ chức;
* Điều kiện dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt ngưỡng điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển do ĐHBK Hà Nội quy định;
* Các tổ hợp xét tuyển A00, A01, A02, B00, D01, D07, D26, D28 và D29 (tùy theo từng chương trình đào tạo khác nhau).

**Lưu ý:**

* Thí sinh được sử dụng chứng chỉ tiếng Anh VSTEP và quốc tế (IELTS, TOEFL, TOEIC … ) để quy đổi thành điểm tiếng Anh khi xét tuyển theo các tổ hợp A01, D01, D07;
* Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ***chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh,*** ngoài các điều kiện cần thiết (theo các phương thức tuyển sinh), thí sinh cần có một trong những ***điều kiện về trình độ tiếng Anh*** như sau:
  + Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP trình độ B1 trở lên, IELTS (academic) 5.0 trở lên hoặc tương đương;
  + Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 môn tiếng Anh đạt yêu cầu của ĐHBK Hà Nội.

**3. Danh mục các chương trình và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023**  
Năm 2023, ĐHBK Hà Nội dự kiến tuyển sinh 63 chương trình đào tạo, trong đó:

* Số lượng chương trình đại trà (chương trình chuẩn): 35 (02 chương trình mới)
* Số lượng chương trình chất lượng cao: 23, trong đó:
  + Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh: 16
  + Chương trình có tăng cường ngoại ngữ (Nhật, Pháp): 03
  + Chương trình có chuẩn đầu ra ngoại ngữ khác (Nhật, Đức): 04
* Số lượng chương trình PFIEV: 02
* Số lượng chương trình liên kết quốc tế: 03

***Danh mục chương trình đào tạo, chỉ tiêu và mã xét tuyển***

**A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN**

STT 1, Tên chương trình: Kỹ thuật Sinh học, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: BF1

STT 2, Tên chương trình: Kỹ thuật Thực phẩm, Chỉ tiêu: 200, Mã xét tuyển gốc: BF2

STT 3, Tên chương trình: Kỹ thuật Hóa học, Chỉ tiêu: 520, Mã xét tuyển gốc: CH1

STT 4, Tên chương trình: Hóa học, Chỉ tiêu: 120, Mã xét tuyển gốc: CH2

STT 5, Tên chương trình: Kỹ thuật In, Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: CH3

STT 6, Tên chương trình: Công nghệ Giáo dục, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: ED2

STT 7, Tên chương trình: Kỹ thuật Điện, Chỉ tiêu: 220, Mã xét tuyển gốc: EE1

STT 8, Tên chương trình: Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa, Chỉ tiêu: 500, Mã xét tuyển gốc: EE2

STT 9, Tên chương trình: Quản lý năng lượng (thay thế cho Kinh tế Công nghiệp không tuyển sinh từ 2023), Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: EM1

STT 10, Tên chương trình: Quản lý Công nghiệp, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: EM2

STT 11, Tên chương trình: Quản trị Kinh doanh, Chỉ tiêu: 100, Mã xét tuyển gốc: EM3

STT 12, Tên chương trình: Kế toán, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: EM4

STT 13, Tên chương trình: Tài chính - Ngân hàng, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: EM5

STT 14, Tên chương trình: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Chỉ tiêu: 480, Mã xét tuyển gốc: ET1

STT 15, Tên chương trình: Kỹ thuật Y sinh, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: ET2

STT 16, Tên chương trình: Kỹ thuật Môi trường, Chỉ tiêu: 120, Mã xét tuyển gốc: EV1

STT 17, Tên chương trình: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: EV2

STT 18, Tên chương trình: Tiếng Anh KHKT và Công nghệ, Chỉ tiêu: 180, Mã xét tuyển gốc: FL1 (1)

STT 19, Tên chương trình: Kỹ thuật Nhiệt, Chỉ tiêu: 250, Mã xét tuyển gốc: HE1

STT 20, Tên chương trình: CNTT: Khoa học Máy tính, Chỉ tiêu: 300, Mã xét tuyển gốc: IT1 (2)

STT 21, Tên chương trình: CNTT: Kỹ thuật Máy tính, Chỉ tiêu: 200, Mã xét tuyển gốc: IT2

STT 22, Tên chương trình: Kỹ thuật Cơ điện tử, Chỉ tiêu: 300, Mã xét tuyển gốc: ME1

STT 23, Tên chương trình: Kỹ thuật Cơ khí, Chỉ tiêu: 500, Mã xét tuyển gốc: ME2

STT 24, Tên chương trình: Toán-Tin, Chỉ tiêu: 120, Mã xét tuyển gốc: MI1

STT 25, Tên chương trình: Hệ thống Thông tin quản lý, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: MI2

STT 26, Tên chương trình: Kỹ thuật Vật liệu, Chỉ tiêu: 260, Mã xét tuyển gốc: MS1

STT 27, Tên chương trình: Vật lý Kỹ thuật, Chỉ tiêu: 150, Mã xét tuyển gốc: PH1

STT 28, Tên chương trình: Kỹ thuật Hạt nhân, Chỉ tiêu: 30, Mã xét tuyển gốc: PH2

STT 29, Tên chương trình: Vật lý Y khoa, Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: PH3

STT 30, Tên chương trình: Kỹ thuật Ô tô, Chỉ tiêu: 200, Mã xét tuyển gốc: TE1

STT 31, Tên chương trình: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Chỉ tiêu: 90, Mã xét tuyển gốc: TE2

STT 32, Tên chương trình: Kỹ thuật Hàng không, Chỉ tiêu: 50, Mã xét tuyển gốc: TE3

STT 33, Tên chương trình: Công nghệ Dệt-May, Chỉ tiêu: 220, Mã xét tuyển gốc: TX1

STT 34, Tên chương trình: Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano (chương trình mới), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: MS2

STT 35, Tên chương trình: Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit (chương trình mới), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: MS3

**B. CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO (CỦA ĐHBK HÀ NỘI)**

***B1. Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh***

STT 36, Tên chương trình: Kỹ thuật Sinh học (chương trình mới), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: BF-E19

STT 37, Tên chương trình: Kỹ thuật Thực phẩm, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: BF-E12

STT 38, Tên chương trình: Kỹ thuật Hóa dược, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: CH-E11

STT 39, Tên chương trình: Hệ thống điện và năng lượng tái tạo, Chỉ tiêu: 50, Mã xét tuyển gốc: EE-E18

STT 40, Tên chương trình: Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa, Chỉ tiêu: 100, Mã xét tuyển gốc: EE-E8

STT 41, Tên chương trình: Phân tích Kinh doanh, Chỉ tiêu: 100, Mã xét tuyển gốc: EM-E13

STT 42, Tên chương trình: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Chỉ tiêu: 120, Mã xét tuyển gốc: EM-E14

STT 43, Tên chương trình: Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: ET-E16

STT 44, Tên chương trình: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: ET-E4

STT 45, Tên chương trình: Kỹ thuật Y sinh, Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: ET-E5

STT 46, Tên chương trình: An toàn không gian số - Cyber Security, Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: IT-E15 (2)

STT 47, Tên chương trình: Công nghệ Thông tin Global ICT, Chỉ tiêu: 100, Mã xét tuyển gốc: IT-E7 (2)

STT 48, Tên chương trình: Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo, Chỉ tiêu: 100, Mã xét tuyển gốc: IT-E10 (2)

STT 49, Tên chương trình: Kỹ thuật Cơ điện tử, Chỉ tiêu: 120, Mã xét tuyển gốc: ME-E1

STT 50, Tên chương trình: Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu, Chỉ tiêu: 50, Mã xét tuyển gốc: MS-E3

STT 51, Tên chương trình: Kỹ thuật Ô tô, Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: TE-E2

***B2. Chương trình có tăng cường ngoại ngữ***

STT 52, Tên chương trình: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (tăng cường tiếng Nhật), Chỉ tiêu: 60, Mã xét tuyển gốc: ET-E9

STT 53, Tên chương trình: Công nghệ Thông tin Việt - Nhật (tăng cường tiếng Nhật), Chỉ tiêu: 240, Mã xét tuyển gốc: IT-E6

STT 54, Tên chương trình: Công nghệ Thông tin Việt - Pháp (tăng cường tiếng Pháp), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: IT-EP(2)

***B3. Chương trình có chuẩn đầu ra ngoại ngữ khác***

STT 55, Tên chương trình: Điện tử - Viễn thông - ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: ET-LUH

STT 56, Tên chương trình: Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: ME-LUH

STT 57, Tên chương trình: Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản), Chỉ tiêu: 90, Mã xét tuyển gốc: ME-NUT

STT 58, Tên chương trình: Cơ khí Chế tạo máy - hợp tác với trường ĐH Griffith (Australia), Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: ME-GU

**C. CHƯƠNG TRÌNH PFIEV**

STT 59, Tên chương trình: Cơ khí Hàng không, Chỉ tiêu: 35, Mã xét tuyển gốc: TE-EP

STT 60, Tên chương trình: Tin học công nghiệp và Tự động hóa, Chỉ tiêu: 40, Mã xét tuyển gốc: EE-EP

**D. CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ**

STT 61, Tên chương trình: Quản trị Kinh doanh - ĐH Troy (Hoa Kỳ) (do ĐH Troy cấp bằng), Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: TROY-BA

STT 62, Tên chương trình: Khoa học Máy tính - ĐH Troy (Hoa Kỳ) (do ĐH Troy cấp bằng), Chỉ tiêu: 80, Mã xét tuyển gốc: TROY-IT

STT 63, Tên chương trình: Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế (do ĐHBK Hà Nội và ĐH Plymouth Marjon - Vương quốc Anh cấp bằng), Chỉ tiêu: 90, Mã xét tuyển gốc: FL2 (1)

Tổng chỉ tiêu năm 2023: 7.985

*Ghi chú:*  
*(1) – Chương trình không xét tuyển theo phương thức điểm thi đánh giá tư duy.  
(2) – Chương trình không xét tuyển theo phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT.  
- Mã xét tuyển theo từng phương thức tuyển sinh sẽ được thông tin cụ thể trong Đề án tuyển sinh 2023 của ĐHBK Hà Nội.*

***Mã tổ hợp xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT***

Tổ hợp A00, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Hóa học

Tổ hợp A01, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

Tổ hợp A02, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Sinh học

Tổ hợp B00, Các môn/bài thi: Toán, Hóa học, Sinh học

Tổ hợp D01, Các môn/bài thi: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

Tổ hợp D07, Các môn/bài thi: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Tổ hợp D26, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Tiếng Đức

Tổ hợp D28, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Tiếng Nhật

Tổ hợp D29, Các môn/bài thi: Toán, Vật lý, Tiếng Pháp

***Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy***

Tổ hợp K00, Các phần thi trong bài thi: Toán, Đọc hiểu, Khoa học/Giải quyết vấn đề

**4. Quy định về quy đổi tương đương các chứng chỉ tiếng Anh**

***Quy định về các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương***

IELTS: 5.0, TOEFL iBT: 35-45, TOEFL ITP: 433-450, Cambridge English Scale: 151-159, PTE Academic: 36-41, TOEIC: 550-600, APTIS General: 131, APTIS Advanced: 110, VSTEP: B1

IELTS: 5.5, TOEFL iBT: 46-59, TOEFL ITP: 451-509, Cambridge English Scale: 160-170, PTE Academic: 42-53, TOEIC: 601-650, APTIS General: 153, APTIS Advanced: 126, VSTEP: B2

IELTS: 6.0, TOEFL iBT: 60-78, TOEFL ITP: 510-547, Cambridge English Scale: 171-179, PTE Academic: 54-64, TOEIC: 651-700, APTIS General: 160, APTIS Advanced: 153, VSTEP: B2

IELTS: 6.5, TOEFL iBT: 79-89, TOEFL ITP: 548-569, Cambridge English Scale: 180-183, PTE Academic: 65-69, TOEIC: 701-750, APTIS General: 170, APTIS Advanced: 160, VSTEP: C1

IELTS: 7.0, TOEFL iBT: 90-99, TOEFL ITP: 570-591, Cambridge English Scale: 184-191, PTE Academic: 70-74, TOEIC: 751-800, APTIS General: 180, APTIS Advanced: 165, VSTEP: C1

IELTS: 7.5, TOEFL iBT: 100-109, TOEFL ITP: 592-613, Cambridge English Scale: 192-199, PTE Academic: 75-78, TOEIC: 801-850, APTIS General: 190, APTIS Advanced: 170, VSTEP: C2

IELTS: 8.0, TOEFL iBT: 110-114, TOEFL ITP: 614-635, Cambridge English Scale: 200-210, PTE Academic: 79-82, TOEIC: 851-900, APTIS General: 185, APTIS Advanced: 178, VSTEP: C2

IELTS: 8.5, TOEFL iBT: 115-119, TOEFL ITP: 636-657, Cambridge English Scale: 211-220, PTE Academic: 83-86, TOEIC: 901-950, APTIS General: >190, APTIS Advanced: 185, VSTEP: C2

IELTS: 9.0, TOEFL iBT: 120, TOEFL ITP: 658-677, Cambridge English Scale: 221-230, PTE Academic: 87-90, TOEIC: 951-990, APTIS General: >190, APTIS Advanced: 200, VSTEP: C2

***Quy đổi điểm chứng chỉ IELTS (Academic) thành điểm tiếng Anh để xét tuyển các tổ hợp A01, D01, D07***

IELTS: 5.0, Điểm quy đổi: 8.50

IELTS: 5.5, Điểm quy đổi: 9.00

IELTS: 6.0, Điểm quy đổi: 9.50

IELTS: 6.5, Điểm quy đổi: 10.00

**5. Thông tin về kỳ thi Đánh giá tư duy năm 2023**  
***5.1. Cấu trúc bài thi năm 2023***  
Để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của Bộ GD&ĐT mới triển khai áp dụng từ năm 2022 và đảm bảo quyền lợi của học sinh, ĐHBK Hà Nội dự kiến điều chỉnh nội dung các phần thi của bài thi đánh giá tư duy theo hướng gọn nhẹ. Theo đó, tổng thời gian của bài thi gồm 150 phút cho 3 nội dung thi gồm: Tư duy Toán học (60 phút), Tư duy Đọc hiểu (30 phút) và Tư duy Giải quyết vấn đề (60 phút) với hình thức thi là hoàn toàn Trắc nghiệm. Bài thi sẽ được tổ chức nhiều đợt thi trong năm, thí sinh dự thi sẽ được cấp Giấy chứng nhận kết quả thi và có thể sử dụng để xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước có nhu cầu.

***Cấu trúc Bài thi Đánh giá tư duy (điều chỉnh)***

TT: 1, Phần thi: Tư duy Toán học, Hình thức thi: TN, Thời lượng (phút): 60, Điểm: 40

TT: 2, Phần thi: Tư duy Đọc hiểu, Hình thức thi: TN, Thời lượng (phút): 30, Điểm: 20

TT: 3, Phần thi: Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề, Hình thức thi: TN, Thời lượng (phút): 60, Điểm: 40

Tổng, Thời lượng (phút): 150, Điểm: 100

***5.2 Kế hoạch tổ chức thi năm 2023***  
(1) Đối tượng dự thi: Thí sinh là học sinh THPT, thí sinh tự do.  
(2) Phạm vi: Thí sinh ở tất cả các Tỉnh, Thành phố trên toàn quốc có thể đăng ký dự thi.  
(3) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm khách quan trong khung thời gian chung là 150 phút.  
(4) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức kỳ thi năm 2023: Tổ chức 03 đợt thi

* Đợt 1: Tháng 5/2023, tại Hà Nội
* Đợt 2: Tháng 6/2023, tại Hà Nội
* Đợt 3: Tháng 7/2023 tại một số địa điểm (Hà Nội, Vinh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Tuyên Quang, Thái Nguyên...)

(5) Các khối ngành có thể sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy để xét tuyển đại học năm 2023:

* Các khối ngành khoa học kỹ thuật, công nghệ;
* Các khối ngành kinh tế, ngoại thương, tài chính, ngân hàng;
* Các khối ngành y, dược;
* Các khối ngành công nghiệp, nông nghiệp.